

# Bàn thêm về danh xưng “Thổ hào” - “Hào trưởng” Khúc tam chúa

Vũ Duy Mên\*

Nhận ngày 14 tháng 3 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 5 năm 2023.

**Tóm tắt:** Sách sử cổ Trung Quốc và Việt Nam cùng những công bố gần đây của các nhà nghiên cứu về Khúc tam chúa không phải là hiếm, nhưng chủ yếu tập trung vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và việc xây dựng chính quyền tự chủ của họ Khúc. Vấn đề nguồn gốc xã hội - thành phần xuất thân, quê quán của họ Khúc được đề cập rất sơ lược. Bài viết này tập trung bàn thêm về danh xưng “thổ hào”, “hào trưởng” trong lịch sử Trung Quốc (thế kỷ III - đầu thế kỷ XX) và Việt Nam (thế kỷ VI - thế kỷ XIII). Thổ hào đời cổ là danh hiệu tôn quý của người có địa vị trong làng xã. Ở Việt Nam, Thổ hào, Hào trưởng là người tai mắt có thế lực trong làng xã. Qua đó, bài viết có mục đích giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về nguồn gốc xã hội (nguồn gốc xuất thân, uy tín, năng lực cá nhân), vai trò lịch sử vĩ đại của Khúc tam chúa, những người đã cơ bản chấm dứt Bắc thuộc, bước đầu xây dựng nền tự chủ đất nước.

**Từ khóa:** Thổ hào, Hào trưởng, Khúc tam chúa (Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ).

**Phân loại ngành:** Sử học

**Abstract:** Ancient history books of China and Vietnam and recent publications by researchers about three masters of Khúc clan are also not uncommon. However, mainly focused on the cause of struggle for national independence and the building of an autonomous government of the Khúc clan. The issue of social origin - the origin and hometown of the Khúc clan is mentioned very briefly. This article focuses on discussing more about the title “Thổ hào” or “Hào trưởng” in the history of China (3<sup>rd</sup> - early 20<sup>th</sup> centuries) and Vietnam (6<sup>th</sup> - 13<sup>th</sup> centuries). Ancient “thổ hào” was the honorable title of a person of high status in the village. In Vietnam, “thổ hào” and “hào trưởng” are powerful people in the village. The paper aims to help better understand the social origin (origin, prestige, personal ability), the great historical role of three masters of Khúc clan, basically ending the first era of Northern domination, and initially building an independent country.

**Keywords:** Thổ hào, Hào trưởng, three master of Khúc clan (Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Khúc Thừa Mỹ).

**Subject classification:** History

## 1. Mở đầu

Cho đến nay, ngoài các bộ sách sử cổ của Trung Quốc và Việt Nam ghi chép sơ lược về quê hương, sự nghiệp dựng nước vẻ vang của Khúc tam chúa, các sử gia hiện đại như: Đào Duy Anh, Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Văn Tạo, Đỗ Văn Ninh, Nguyễn Quang Ngọc, A.B. Pôliacóp..., trong các công trình của họ, đều đánh giá cao sứ mệnh lịch sử với những đóng góp quan trọng của các Hào trưởng họ Khúc trong việc giành quyền độc lập tự chủ, chấm dứt ngàn năm Bắc thuộc, “bước đầu thực hiện cải cách hành chính” xây dựng chính quyền tự chủ xuống tận làng xã, tạo cơ sở thuận lợi cho các triều đại kế tiếp trong việc quản lý điều hành đất nước. Điều đáng chú ý là còn có ba sự kiện khoa học diễn ra vào cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Đó là Hội thảo khoa học về *Họ Khúc trong lịch sử dân tộc*, được tổ chức ở tỉnh Hải Dương tháng 3 năm 1999, kỷ yếu đã in

---

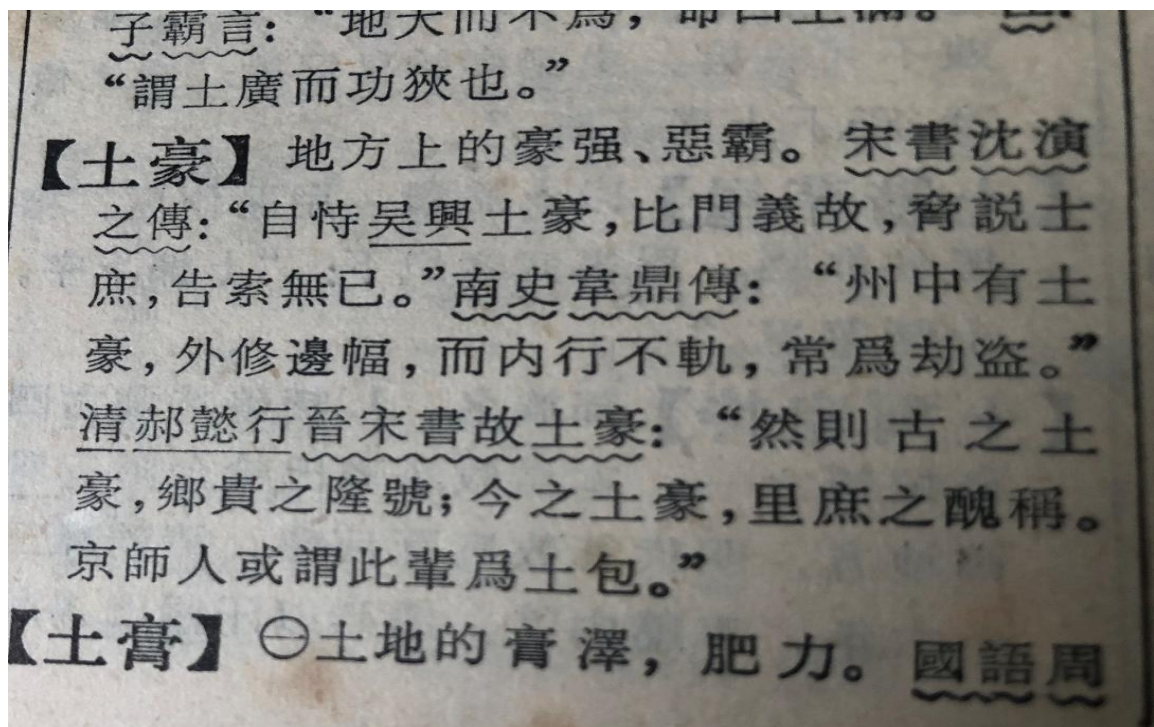
\* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Email: vuduymenhn@yahoo.com/ duymen.vsh@gmail.com

thành sách *Khúc Thừa Dụ và họ Khúc trong lịch sử dân tộc*, Bảo tàng Hải Dương xuất bản năm 1999; Hội thảo về *Họ Khúc trong lịch sử dân tộc góc nhìn nghệ thuật quân sự*, tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 12 năm 2019; Hội thảo về *Công cuộc trung hưng đất nước của họ Khúc đầu thế kỷ X*, do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, phối hợp với Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ và Hội Khoa học Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức, tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 5 năm 2022, in Kỷ yếu tóm tắt Hội thảo khoa học (lưu hành nội bộ). Cả ba cuộc Hội thảo này đã ghi dấu mốc quan trọng trong nhận thức sử học về quê hương, đặc biệt là sự nghiệp dựng nước của họ Khúc đối với lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, về nguồn gốc xuất thân, vị thế xã hội của họ Khúc bấy giờ ra sao, vẫn còn ít thông tin.

Bài viết này, thông qua việc tìm hiểu danh xưng: “Thổ hào”, “Hào trưởng” trong lịch sử Trung Quốc và Việt Nam, đặc biệt bao gồm cả Hào trưởng Khúc tam chúa., có mục đích giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về nguồn gốc xuất xứ (cơ sở xã hội, năng lực và uy tín cá nhân), hay giai tầng xã hội để Khúc tam chúa thực hiện sứ mệnh lịch sử to lớn chính thức kết thúc hơn một ngàn năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc thành công, mở ra một kỷ nguyên mới độc lập, tự chủ cho dân tộc.

## 2. Vài nét về thuật ngữ “Thổ hào”, “Hào trưởng”

Trước hết, về danh xưng: “Thổ hào” từng tồn tại trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Điều này được phản ánh trong *Từ nguyên*, đoạn trích Hán văn như sau:



Phiên âm:

Thổ hào: địa phương thượng đích hào cường, ác bá. Tổng thư Thẩm Diễn Chi truyện “tự thị Ngô Hưng thổ hào, tỳ môn nghĩa cố, hiệp thuyết sĩ thứ, cáo sách vô dĩ”. Nam sử Vi Đình truyện: “Châu trung hữu thổ hào, ngoại tu biên phúc, nhi nội hành bất quý, thường vi kiếp đạo”. Thanh Hách Ý Hành Tấn Tổng thư cố thổ hào: “Nhiên tắc cố chi thổ hào, hương quý chi long hiệu; kim chi thổ hào, lý thứ chi xú xưng. Kinh sư nhân hoặc vị thứ bôi vi sĩ bao”.

Dịch nghĩa:

Thổ hào: là cường hào ác bá ở địa phương. *Truyện Thảm Diện Chi* trong sách *Tổng thư* chép: “Thổ hào Ngô Hưng tự cậy thế, những hộ liền kề có nghĩa tình từ xưa (tỷ môn nghĩa cổ), hiệp đáp dụ dỗ các quan lại thứ dân, tổ cáo hạch sách không dừng”. *Truyện Vi Đình* trong sách *Nam sử*: “Có Thổ hào trong châu, bên ngoài chú ý phong cách, nhưng bên trong lại làm những việc không theo khuôn phép, thường hay đi cướp đoạt”. Phần *Thổ hào* trong *Tán Tổng thư cổ* của Hách Ý Hành đời Thanh: “Thổ hào đời cổ là danh hiệu tôn quý của người có địa vị trong làng xã; Thổ hào ngày nay là cách gọi xấu xa trong dân chúng làng quê. Người ở Kinh sư gọi loại người đó là bao đất (Thổ bao)” (*Từ nguyên*, 1992: 585).

Ở Trung Quốc, danh xưng “Thổ hào” từng xuất hiện từ thời Lục triều<sup>1</sup>. Sách *Việt điện u linh* cho biết thêm: “... Vương (Sĩ Nhiếp...) cho con vào làm con tin ở nước Ngô, lại dụ bọn Thổ hào Ích Châu là lũ Ung Khải đem dân về theo với nước Ngô. Em của vương đều làm quan ở các quận, Hùng trưởng một châu, riêng một vạn dặm, uy thế tôn quý vô thượng...” (Lý Tế Xuyên, 2008: 42-43). Trong thời Lục triều, nhất là thời Lương, đặc biệt đề cao chế độ Sĩ tộc: “Cử người hiền không ngoài thế tộc, pháp luật không động đến quyền quý”, “thượng phẩm không có người nghèo, hạ phẩm không có thế tộc” (Đỗ Văn Ninh, 2001: 323). Sĩ tộc, Hàn tộc và Thổ hào địa phương đều muốn leo lên bậc thang danh vọng. Suốt thời kỳ lịch sử cổ đại ở Trung Quốc, “Thổ hào là danh hiệu tôn quý của người có địa vị trong làng xã”. Nhưng sang đời Thanh, danh xưng “Thổ hào” hay “Thổ bao” đã có sự thay đổi so với trước đây, là “cách gọi xấu xa trong dân chúng làng quê” (dẫn trên).

Ở Việt Nam, theo Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển* (Đào Duy Anh, 1957: 349, 425):

土豪劣绅 - Thổ hào liệt thân - Bọn nhà giàu quyền thế ở nhà quê, hay cậy thế mình mà ăn hiếp dân chúng.

豪 - Hào - Tài trí lớn hơn người - Đứng đầu - không keo lận chật hẹp - Kẻ mạnh thế hơn người.

豪强 - Hào cường- Mạnh mẽ có thế lực.

豪桀 - Hào kiệt - Người có tài năng xuất chúng.

豪目 - Hào mục - Người tai mắt có thế lực trong làng.

豪长 - Hào trưởng - tương tự như Hào mục.

Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Hán Việt* (Viện Ngôn ngữ học, 2002, tr.591-592, 1430):

土豪劣绅 - Thổ hào liệt thân - Cường hào ác bá.

豪 - Hào - Người tài giỏi.

英豪 - Anh hào - Nhà giàu có quyền thế.

豪强 - Hào cường - Ngang nhiên vơ vét.

豪族 - Hào tộc - Gia tộc giàu có quyền thế.

Việc dẫn ra những từ Hán và Hán - Việt nêu trên đã cho thấy khá rõ nội dung của từng mục từ, cả sự biến đổi nội dung của chúng trong thời kỳ lịch sử cổ trung đại và cận hiện đại. Đặc biệt trong đó đáng chú ý các cụm từ (danh xưng): Thổ hào - người tài giỏi, có địa vị tôn quý trong làng xã. Hào trưởng (giống như Thổ hào) - cũng là người tài giỏi, tai mắt có thế lực trong làng xã. Hào tộc - Gia tộc giàu có quyền thế ở làng xã Trung Quốc và Việt Nam thời cổ trung đại (khoảng từ thế kỷ XIII trở về trước).

Riêng ở Giao Châu, chính quyền đô hộ đều phải dựa vào Thổ hào - Hào trưởng người Việt để thống trị, song lại chèn ép họ về mọi mặt từ chính trị đến kinh tế, xã hội. Vì thế, chỉ chờ thời cơ đến là họ vùng dậy chống lại chính quyền ngoại bang, giành lại quyền độc lập, tự chủ cho dân tộc, mà tiêu biểu là Thổ hào - Hào trưởng Khúc tam chúa.

<sup>1</sup> Lục triều là một danh từ dùng để chỉ sáu triều đại trong các thời kỳ Tam quốc (220-280), Lương Tấn (265-420) và Nam- Bắc triều (420-589) trong lịch sử Trung Quốc, gồm: Đông Ngô (222-280), Đông Tấn (317-420), Lưu Tống (420-479), Nam Tề (479-502), Lương (502-557), Trần (557-589).

### 3. Thổ hào - Hào trưởng và sứ mệnh lịch sử của Khúc tam chúa

Các sách sử Trung Quốc, như: *Lương thư*, *Trần thư*, *Tư trị thông giám* đều gọi Lý Bí là “Giao Châu thổ nhân” hay “Thổ hào”. Trong lịch sử Việt Nam, Thổ hào được sách sử chép đến đầu tiên là: “Lý Bí (Lý Bôn), Thổ hào ở Giao Châu. Về đời nhà Lương, đầu niên hiệu Đại Đồng (535-545), Hầu Tư làm Thứ sử, trị dân nghiêm khắc, thất hòa. Bí làm phản. Tư chạy về Quảng Châu, Bí tiến hiệu đặt quan, dựng đài Vạn Xuân mà ở. Vũ đế khiến Thứ sử Dương Phiêu và Tư mã Trần Bá Tiên dẹp yên” (Lê Tắc, 2003: 276). Sách *Việt điện u linh* và *Lịch triều hiến chương loại chí* đều cho biết: “Thời Lương Vũ đế, ở Giao Châu ta, huyện Thái Bình có Lý Bôn, đời đời làm Hào trưởng, có tài lạ hơn người, thường có cái phong độ của Tiêu, Tào” (Lý Tế Xuyên, 2008: 17). (Tiêu Hà và Tào Tham là hai danh tướng của triều Hán).

Sau Lý Bí, đến cuối thế kỷ VIII, Phùng Hưng vốn là một Hào trưởng lớn, có thế lực ở đất Đường Lâm, (huyện Phúc Thọ, Sơn Tây, nay thuộc Hà Nội) đã tập hợp lực lượng nhân dân khởi nghĩa chống chính quyền đô hộ, làm chủ thành Tống Bình một thời gian 7 năm. “Khi (Phùng) Hưng chết mà hiển linh. Phàm trong thôn ấp có việc sợ hãi, việc vui mừng thì trước đã có bậc dị nhân ban đêm đến báo cho người Hào trưởng biết... Mọi người cho là thần, lập miếu (thờ ở làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, Sơn Tây, Hà Nội)” (Lý Tế Xuyên, 2008: 16).

Giai đoạn đầu thế kỷ X nổi bật vai trò lịch sử của Khúc tam chúa, được các sách sử của Trung Quốc và Việt Nam gọi là Thổ hào - Hào trưởng. Sách *Đất nước Việt Nam qua các đời*, cho biết: “Năm 907, Khúc Thừa Dụ chết, con là Khúc Thừa Hạo kế nghiệp, cũng tự xưng Tiết độ sứ, muốn nhân cuộc loạn ly của Trung Quốc mà xây dựng cơ sở tự cường, bền thiết lập các thứ chế độ theo quy mô của một nhà nước độc lập. Thừa Hạo định lại các khu vực hành chính để thay cho các châu huyện của nhà Đường, lấy lộ thay cho châu, lấy phủ châu thay cho huyện. Đời Đường các huyện chia làm hương, Thừa Hạo đổi hương làm giáp. Đặt chức Quản giáp và Phó tư giáp, giữ việc thu thuế và bắt lính. Ở dưới giáp, đơn vị hành chính nhỏ nhất là xã, mỗi xã đặt hai người Lệnh trưởng, Chính và Tá. Tổ chức hành chính của họ Khúc một phần nào sẽ là cơ sở cho tổ chức hành chính các triều đại tự chủ sau này.

Trong khi họ Khúc đang kinh dinh để xây dựng chính quyền tự chủ thì ở miền Nam Trung Quốc, Tiết độ sứ Quảng Châu là Lưu Nham đã cát cứ và dựng nước Nam Hán. Khúc Thừa Hạo cho con là Khúc Thừa Mỹ sang giao hiếu với nước Nam Hán. Nhưng Thừa Mỹ sau khi nối nghiệp cha năm 917 lại sai sứ sang nhà Lương xin quy phục. Vua Nam Hán bấy giờ là Lưu Cung thấy Thừa Mỹ thần phục nhà Lương lấy làm tức giận, sai tướng là Lê Khắc Chính đem quân sang đánh họ Khúc. Khắc Chính bắt được Thừa Mỹ đem về Quảng Châu. Lưu Cung cử Lý Tiến làm Thứ sử Giao Châu cùng Khắc Chính đóng binh chiếm giữ mà thống trị nước ta” (Đào Duy Anh, 2005: 108-109).

Theo *Tân Đường thư*: “Thời Lương Trinh Minh (915-920), Thổ hào Khúc Thừa Mỹ chuyên quyền đất này (Giao Châu), nạp cống cho Mạt đế (nhà Lương), nên ban Tiết việt cho Thừa Mỹ” (*Tân Đường thư* - Q. 488. Liệt truyện thứ 247, ngoại quốc: Q.4, Giao Chi, Bản dịch, tr.172 - *Tân ngũ đại sử*, Bản Hán văn, tr.86).

*An Nam chí lược*, ghi rõ: “Vua Hiếu vũ bỏ nước Nam Việt, chia làm quận ấp, đặt quan cai trị, trải mấy triều đều noi theo. Cuối đời nhà Đường, các Thổ hào châu Giao, châu Ái là các họ Khúc (Khúc tam chúa), Dương (Diên - Đinh Nghệ), Kiều (Công Tiện) (Công Tiễn), Ngô (Quyền) nối nhau soán đoạt, trong thời gian chừng năm sáu mươi năm” (Lê Tắc, 2003: 224).

Sử gia Phan Huy Chú cho biết rõ hơn: “Cuối đời Đường, Cao Biền không làm Trấn thủ nữa, Giao Châu rối loạn, Thổ hào là Khúc Thừa Dụ, người ở Hồng Châu, chiếm cứ lấy thành tự xưng là Tiết độ sứ, rồi đến cháu là Thừa Mỹ nối chức, yêu cầu nhà Lương cho làm Tiết độ sứ. Khi ấy chúa nhà Nam Hán chiếm giữ đất Phiên Ngung (Quảng Châu, Trung Quốc) đem quân đánh bắt được Thừa Mỹ, rồi đặt Thứ sử. Viên tướng của Khúc là Dương Diên Nghệ (người ở châu Ái) nổi lên đem quân đánh lấy lại châu thành” (Phan Huy Chú, 1960, t.1: 33).

Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn: “Họ Khúc là một họ lớn ở Hồng Châu, Thừa Dụ tính khoan hòa hay thương người được dân chúng suy tôn. Gặp thời buổi loạn lạc nhân danh là Hào trưởng một xứ, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ và xin mệnh lệnh với nhà Đường, nhân thế nhà Đường cho làm chức ấy” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, t.1: 217-218).

Nhà sử học Lê Tung, trong *Việt giám thông khảo tổng luận* cũng khẳng định rằng: “Khúc tiên chúa (Khúc Thừa Dụ) đời đời là Hào tộc, mạnh sáng trí lược, nhân khi nhà Đường mất, lòng người yêu mến, suy tôn làm chúa, đô ở La Thành, dân yên nước trị, công đức chưa kịp để lại, hưởng tuổi không được bao lâu. Khúc trung chúa (Khúc Hạo) nổi cơ nghiệp trước phượng phát giống ông, tính bề quyết thắng, ngoài ý mọi người chống chọi các nước Bắc triều, là chúa hiền của nước Việt; định ra hộ tịch và chức Quản giáp chế độ mới lập ít nhiều, nửa chừng thì mất. Đến đời hậu chúa (Khúc Thừa Mỹ) nhằm can qua, nặng phú dịch, trăm họ ta oán, rồi bị Nam Hán đánh diệt” (Ngô Sĩ Liên và các Sử thần triều Lê, 1972, t.1: 43-44).

Từ những ghi chép của sử sách trên, tựu trung có thể cho biết được bối cảnh lịch sử nhà Đường (Trung Quốc) và Tĩnh Hải quân (Giao Châu) hồi cuối thế kỷ IX đầu thế kỷ X; nổi lên vai trò của họ Khúc trong việc giành lại độc lập tự chủ dân tộc.

Ở “chính quốc”, cuối thế kỷ IX, nạn cát cứ hoành hành, gây chia rẽ sâu sắc giữa các địa phương, làm suy yếu chính quyền trung ương. Khởi nghĩa nông dân nổ ra ở khắp nơi, với đỉnh cao là khởi nghĩa Hoàng Sào (874-884), đã làm lung lay đến tận gốc rễ nền thống trị của nhà Đường.

Bấy giờ, ở Giao Châu, chính quyền đô hộ cũng không còn giữ được sự thống trị như cũ. Năm 863, trước sự tấn công mạnh mẽ của 5 vạn quân Nam Chiếu (phía tây nam của đế chế Đường, vùng Vân Nam, Trung Quốc), chiếm được phủ thành đô hộ (Đại La), vừa giết, vừa bắt làm tù binh gần mười lăm vạn người (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, t.1: 207), nhà Đường đã phải bỏ An Nam Đô hộ phủ (Giao Châu), rút về phòng ngự ở Ung Châu (Trung Quốc).

Đến cuối năm 865, Cao Biền tập trung quân đánh bại quân Nam Chiếu, khôi phục nền đô hộ của nhà Đường ở Giao Châu. Nhà Đường cho đặt Tĩnh Hải quân ở Giao Châu từ năm 866. Cao Biền làm Tiết độ sứ. Biền ra sức xây đắp thành trì, khôi phục và mở rộng sự đô hộ của nhà Đường ở Giao Châu. Tuy vậy, mọi cố gắng ấy cũng không cứu vãn được sự tan rã của chính quyền đô hộ trên đất Giao Châu. Từ năm 868 đến năm 905, nhà Đường đã phải thay 7 Tiết độ sứ ở Giao Châu. Tiếp sau các cuộc khởi nghĩa lớn từ cuối thế kỷ IX, các thế lực cát cứ địa phương “chính quốc” nổi dậy ở khắp nơi. Đây chính là thời cơ thuận lợi cho Giao Châu giành lại độc lập. Thời kỳ này, tầng lớp Hào trưởng người Việt đã thể hiện rõ vai trò và sứ mệnh lịch sử của mình, quyết tâm lãnh đạo nhân dân đánh đổ chính quyền đô hộ, giành lại quyền tự chủ. Khúc Thừa Dụ và con cháu ông đã nắm được quyền hành đất nước trong bối cảnh như vậy.

Khúc Thừa Dụ là một Hào trưởng xuất thân từ một vọng tộc (một dòng họ lớn, nổi tiếng) ở đất Hồng Châu (Lê Quý Đôn, 2007: 520)<sup>2</sup> [nay là làng Cúc Bồ (tên cổ gọi là làng Gọc), thuộc xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương]. Có thể coi làng Cúc Bồ là nơi phát tích và dựng nghiệp của họ Khúc. Nhưng đến nay, ở Cúc Bồ không còn họ Khúc sinh sống. Vì những lý do khác nhau, trải qua nhiều thế kỷ, họ Khúc đã từ Cúc Bồ phải lánh đi nơi xa lập nghiệp, hoặc đổi sang họ khác (Xem thêm Đỗ Danh Huấn, 2009: 25). Vậy tổ tiên của họ Khúc từ đâu đến? Các tài liệu lịch sử còn lại đều không ghi chép rõ ràng. Chỉ biết rằng hiện trong các gia phả họ Khúc của Việt Nam có nhắc đến ấp Khúc Ốc, nay ở phía đông bắc huyện Văn Hỷ, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc và một nhân vật

<sup>2</sup> Về quê hương họ Khúc hiện vẫn tồn tại nhiều ý kiến khác nhau: Lê Quý Đôn (2007), *Kiến Văn tiểu lục*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.520 có chép: “Xã Lô Xá, huyện Cẩm Giàng, có đền thờ Khúc Tiên chúa. Tương truyền Tiết độ sứ họ Khúc quê quán ở đây. Nay trong xã nhiều người mang họ Khúc”.

Khúc Hoàn, người từng giữ chức Tiết độ sứ tại Giao Châu, chưa rõ tiểu sử, hành trạng. Điều đáng chú ý là trong các bộ chính sử Việt Nam cũng không thấy ghi chép (Xem thêm Nguyễn Hữu Tâm, 2009: 834-839). Tuy vậy, cuốn sách *Tư liệu lịch sử họ Khúc Việt Nam* lại cho rằng “Năm Bính Thân sau Công nguyên, niên hiệu Chí Đức, cụ [Khúc Hoàn], được vua Đường cử sang Giao Châu làm Kinh lược sứ (sách ta chép là Khúc Lãm)” (Hội đồng gia tộc họ Khúc Việt Nam, Khúc Thừa Đại 2015: 28), đồng thời khẳng định “Như vậy, họ Khúc có mặt ở Việt Nam từ năm 756 và cụ Khúc Hoàn là Khởi tổ của họ Khúc Việt Nam. Đinh Hồng Châu, gàn Luy Lâu, sau là Thượng Hồng chính là quê hương đầu tiên của Họ Khúc Việt Nam” (Hội đồng gia tộc họ Khúc Việt Nam, Khúc Thừa Đại, 2015: 28).

Đầu năm 905, nhân cơ hội chính quyền nhà Đường ở “chính quốc” suy yếu, chính quyền đô hộ ở Giao Châu đang tan rã; Khúc Thừa Dụ nhân danh Hào trưởng một xứ, lại được nhân dân ủng hộ, tự xưng làm Tiết độ sứ và giành quyền quản lý đất nước.

Năm 906, nhà Đường buộc phải thừa nhận chính quyền của Khúc Thừa Dụ và phong ông làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ Đồng bình chương sự. Tuy vẫn mang danh một chức quan của nhà Đường, nhưng trên thực tế và về thực chất, chính quyền của Khúc Thừa Dụ là một chính quyền tự chủ.

Khúc Thừa Dụ có công lao to lớn trong việc giành lấy chính quyền từ tay phong kiến phương Bắc. Lịch sử ghi nhớ công lao của Khúc Thừa Dụ - một trong những người đặt nền móng cho nền độc lập, tự chủ lâu dài của đất nước.

Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất. Ngay sau đó, con là Khúc Hạo nối nghiệp cha. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cho biết: “Khúc Hạo nhờ vào cơ nghiệp cũ, giữ lấy La Thành, tự xưng là Tiết độ sứ, chia đặt các lộ, phủ, châu và xã ở các xứ: đặt ra Chánh lệnh trưởng và Tá lệnh trưởng, bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch; lập sổ khai hộ khẩu, kê rõ họ tên quê quán, giao cho Giáp trưởng trông coi. Chính sự cốt chuộng khoan dung giản dị. Nhân dân đều được yên vui (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, t.1: 218).

Trong lời chua (chú) của sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cho biết thêm: “...theo sách *An Nam kỷ yếu*, Khúc Hạo người Giao Chỉ. Cuối đời Đường, Khúc Hạo làm Tiết độ sứ thay cho Độc Cô Tôn: đổi các hương ở các huyện làm giáp, đặt mỗi giáp một Quản giáp và một Phó tri giáp để giữ việc đánh thuế. Khúc Hạo giữ chức Tiết độ sứ được 4 năm thì mất (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, t.1: 219).

Khúc Hạo tiếp nối sự nghiệp của người cha là Khúc Thừa Dụ, đã nắm quyền cai quản Giao Châu. Khúc Hạo đã tiến hành cải cách hành chính thay thế chế độ của nhà Đường.

Trước đây, nhà Đường chia Giao Châu làm châu, huyện, châu cơ mi (ràng buộc lỏng lẻo) ở miền núi, hương và xã.

Khúc Hạo đặt ra lộ, phủ, châu, giáp (giáp thay cho hương) và xã. Theo *An Nam chí nguyên*: “Trong đời Khai Bình nhà Hậu Lương (907-911), Tiết độ (sứ) Khúc Hạo đổi hương thành giáp đặt thêm 150 giáp, cộng với những giáp trước thì có 314 giáp (Cao Hùng Trưng, *An Nam chí nguyên*, Bản dịch đánh máy, tr.112, địa bàn của hương - giáp tương đương với đơn vị tổng từ thời nhà Mạc về sau) và xã. Ở xã, đặt ra Chánh lệnh trưởng và Tá lệnh trưởng. Ở mỗi giáp đặt chức Quản giáp và Phó tri giáp để giữ việc đánh thuế. Giáp trưởng trông coi lập sổ hộ khẩu, kê rõ họ tên, quê quán của người khai, để quản lý hộ khẩu”.

Khúc Hạo lên nắm quyền năm 907, khi mà nhà Đường đã mất, nhà Hậu Lương lên thay cũng công nhận Khúc Hạo làm Tiết độ sứ. Lúc đó Lưu Ẩn chiếm cứ Phiên Ngung. Ẩn chết, con là Lưu Yêm (Lưu Nghiễm) kế vị, xưng quốc hiệu là Nam Hán. Sang năm sau (908), nhà Hậu Lương lại phong cho Lưu Yêm kiêm nhiệm luôn chức Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ. Mâu thuẫn giữa Nam Hán và họ Khúc nảy sinh từ đó.

Năm Đinh Sửu (917), Khúc Hạo sai con là Khúc Thừa Mỹ sang thông hiếu với nhà Nam Hán ở Phiên Ngung. Thực chất chuyến đi đó của Khúc Thừa Mỹ nhằm dò xét tình hình hư thực ở Phiên Ngung.

Khúc Hạo mất, Khúc Thừa Mỹ lên thay năm 917. Sách *An Nam kỷ yếu* cho biết: Thừa Mỹ từng sai sứ sang nhà Hậu Lương xin lĩnh “Tiết việt”, nhân thế, nhà Hậu Lương cho làm Tiết độ sứ, coi quản Giao Châu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, t.1: 219).

“... Lưu Cung (vua Nam Hán) nghe nói Thừa Mỹ đã nhận “Tiết việt” của nhà Lương, giận lắm, [mùa thu, tháng 7 năm Quý Mùi (923)] sai tướng giỏi là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh, bắt được Thừa Mỹ đem về” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, t.1: 220).

Sau khi Lý Khắc Chính chiếm được Giao Châu đã đem quân đánh Chiêm Thành, cướp nhiều báu vật đem về. Nam Hán cử Lý Tiến (Lê Tấn, 2003: 225) giữ chức Thứ sử Giao Châu, cùng với Lý Khắc Chính giữ thành Đại La. Năm 931, Dương Diên (Đinh) Nghệ một Hào tộc vùng Ái Châu là “tướng của Khúc Hạo” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1993, t.1: 145), đã tiến quân ra bao vây thành Đại La, đánh bại quân Nam Hán. Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ; đồng thời phân phong các tướng thân tín đi trấn trị các châu ở châu thổ Bắc bộ. Đinh Công Trứ (thân phụ của Đinh Bộ Lĩnh) coi giữ Hoan Châu, Ngô Quyền phong giữ Ái Châu và được Dương Đình Nghệ gả con gái cho... Dương Đình Nghệ cai quản Giao Châu trong khoảng thời gian từ 931 đến 937. Trong cuộc đấu tranh nhằm giành lại quyền tự chủ của họ Khúc, Dương Đình Nghệ là người góp nhiều công sức, trở thành bộ tướng tin cậy của chính quyền họ Khúc. Ông xứng đáng trở thành người kế tục sự nghiệp của họ Khúc trong cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập vừa rơi vào tay Nam Hán. Về sau, Dương Đình Nghệ đã bị nha tướng của mình là Kiều Công Tiễn giết hại, đoạt chức Tiết độ sứ. Nhằm đối phó với đạo quân của Ngô Quyền, nha tướng, cũng là con rể của Dương Đình Nghệ, từ châu Ái kéo ra, Kiều Công Tiễn phải cầu cứu vua Nam Hán đem quân sang giúp. Ngô Quyền trước tiên diệt trừ Kiều Công Tiễn và chuẩn bị lực lượng đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938; mở ra kỷ nguyên hoàn toàn độc lập, tự chủ lâu dài cho đất nước ta.

Có thể cho rằng, từ Khúc Thừa Dụ, đặc biệt Khúc Hạo, Khúc Thừa Mỹ, đều đã nắm được quyền quản lý đất nước đến tận cơ sở là các làng xã, điều mà trước đây chính quyền đô hộ phương Bắc chưa thể làm được, mới chỉ dừng lại ở cấp huyện. Trong suốt thời kỳ Bắc thuộc, hay ngay cả thời thuộc Đường, làng xã vẫn được coi là khu vực tương đối tự trị của người Việt, chỉ chịu sự cai trị gián tiếp của chính quyền đô hộ. Văn hóa làng xã của người Việt chưa mất, vẫn tồn tại với một sức sống bền bỉ, mãnh liệt. Chính từ làng mà nhân dân ta đã giành lại được nước. Họ Khúc chính là đại diện cho những Hào tộc, Thổ hào, Hào trưởng bản địa, tầng lớp lãnh đạo mới của dân Việt, nhân thời cơ thuận lợi đã giành lấy quyền quản lý đất nước từ tay ngoại bang, về cơ bản chấm dứt hơn một ngàn năm Bắc thuộc. Sự nghiệp của họ Khúc chưa được trọn vẹn, do Khúc Thừa Mỹ chưa thực sự tin tưởng vào sức mạnh dân tộc, mà dựa vào nhà Hậu Lương, chưa chuẩn bị kháng chiến chống quân Nam Hán, nên đã nhanh chóng thất bại. Tuy vậy, sự nghiệp của họ Khúc thật vĩ đại; lần đầu tiên trong lịch sử đã tiến hành cải cách, sáng tạo ra mô hình quản lý đất nước, đặt nền móng cho việc xây dựng và phát triển quốc gia độc lập, tự chủ sau này.

Lúc bấy giờ, “... tướng lĩnh cũ của họ Khúc, các Hào trưởng vẫn duy trì lực lượng riêng và nắm quyền quản lý từng vùng rộng lớn. Họ Ngô ở Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), họ Kiều ở Phong Châu (Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc), họ Đinh ở Hoa Lư (Hoa Lư, Ninh Bình), họ Lê ở giáp Bối Lý (Đông Sơn, Thanh Hóa)... họ Dương ở Dương Xá (xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa) vốn là các họ “cự tộc”, nay thế lực lại ngày một mạnh lên” (Phan Huy Lê, 2012, t.1: 445).

Các tướng cùng các Hào trưởng địa phương quy phục đã được nhà Ngô phong tước, cấp đất. Ở Trà hương (nay thuộc huyện Kim Thành, Hải Dương), bấy giờ có một người Hào trưởng là Phạm Lệnh Công vốn là trung thần của Ngô Quyền, đã được nhà Ngô phong cho đất ấy. Sau khi Ngô vương qua đời, Dương Tam Kha là anh của Dương Hậu (có sách chép là em) nuốt lời nhận ký thác



của tiền Ngô vương, tiếm quyền, tự xưng là Bình Vương, không những không phò tá Ngô Xương Ngập (con cả Ngô vương) lên ngôi, mà còn sai người lũng bắt hãm hại. Bấy giờ, Hào trưởng Phạm Lệnh Công ở Trà hương đã phải giấu Xương Ngập vào trong động núi mới thoát hiểm.

Sau khi Dương Tam Kha soán đoạt ngôi vương, nhiều Hào trưởng ở địa phương đã nổi lên cát cứ, gây nên cục diện mà sử gọi là “thập nhị sứ quân”: Trước khi nhà Đinh được thiết lập (968), trong nước nổi lên loạn 12 sứ quân, đó là Hào trưởng Trần Minh Công (Trần Lãm) chiếm giữ cửa Bồ (Bồ hải khẩu, nay thuộc thành phố Thái Bình); hào trưởng Đỗ Cảnh Thạc, chiếm giữ Đỗ Động giang, (nay thuộc Quốc Oai, Hà Nội); sứ quân Phạm Phòng Át chiếm giữ Đằng Châu (Hưng Yên)... Các sứ quân (Hào trưởng) đã gây nên cục diện cát cứ trong nước.

Trong tình hình đó, theo *An Nam chí nguyên*: “Nhân Trung Quốc có nội loạn, dân trong Giao Châu mới kêu gọi nhau tụ tập lại, ủng hộ người Hào trưởng là Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi xưng là Vạn Thắng vương và lập con là Đinh Liễn làm Tiết độ sứ” (Cao Hùng Trưng, *An Nam chí nguyên*, Bản dịch đánh máy: 9). Đinh Tiên Hoàng đã lập ra quốc gia Đại Cồ Việt, chấm dứt nạn cát cứ, thống nhất đất nước.

Vào năm 1203, *Đại Việt sử ký tiền biên* ghi lại sự kiện: “Bọn Phí Lang và người làng (Phí Lương, châu Đại Hoàng - Ninh Bình) là Bảo Lương dâng thư bài bác về tội hại nước hại dân của (Thái úy) Đàm Dĩ Mông, bị Dĩ Mông đánh roi làm nhục, vì thế nuôi lòng oán giận... mới tụ tập quần chúng làm phản” (Ngô Thị Sĩ, 1997: 304). Vua sai Chi hậu là Trần Lệnh Hình làm Nguyên soái và Thượng thư Từ Anh Nhĩ đem quân phủ Thanh Hóa đánh nhau với Phí Lang ở lộ Bồ Giang (thuộc Ý Yên, Nam Định), bị thua, (Lệnh Hình và Anh Nhĩ đều chết trận). Năm 1205, “Phí Lang cùng hơn 170 Hào trưởng của nó ra hàng” (*Việt sử lược*, 2001: 169). Năm 1207, “Phí Lang lại làm phản, đánh ấp Táp Tư.” (*Việt sử lược*, 2001: 172).

Chúng ta chưa rõ bộ máy quản lý làng xã thời Lý (1010-1226) được tổ chức và vận hành ra sao. Xã có phải là đơn vị hành chính cơ sở hay là (thôn) làng? Trên thực tế, danh xưng về một xã cụ thể sử chép rất ít.

Trong *Văn bia thời Lý* có bài: *Văn bia tháp Sùng thiện diên linh của vua thứ tư nhà Lý nước Đại Việt*, dựng ngày mùng 6 tháng 7 năm Tân Sửu, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 2 (1121), nhân dịp khánh thành tháp Sùng thiện diên linh trên núi Long Đọi. Bia hiện dựng trong nhà bia trước chùa Long Đọi, trên núi Long Đọi, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Mặt 2 bia có đoạn: “Mẹ vua thứ tư nhà Lý nước Đại Việt là Thái hậu Phù Thánh Linh Nhân cúng một khu ruộng 72 mẫu liền bờ xứ Mạn Đễ, thuộc 2 xã Cẩm Trục và Thu Lãng, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng... để làm ruộng đền nhang lưu mãi muôn đời. Sau này, nếu kẻ nào trong 6 thôn của xã hoặc ở thập phương chiếm ruộng tam bảo để làm của riêng thì xin Hoàng thiên và 18 vị Long thần tru diệt. Những ruộng này đem cúng vào tam bảo đã có tờ khai xin được miễn tô thuế” (*Văn bia thời Lý*, 2009: 187-188).

*Báo ân thiên tự bi ký* ở chùa xã Tháp Miếu, tổng Bạch Trữ, huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên (nay thuộc huyện Mê Linh, Hà Nội). Bài văn bia do Trần ty Viên ngoại lang Ngụy Tự Hiền soạn. Bia được dựng vào ngày lành, tháng 2 năm Trị Bình Long Ứng thứ 5 (1209). Bia đã được khắc lại sau này. Trong bia có đoạn ghi về: “Giới hạn ruộng (tam bảo): phía đông gần tới xã Lợi Hy là giới hạn...” (*Văn bia thời Lý*, 2009: 333).

Theo *Việt sử lược* cho biết: mùa thu tháng 7 năm Trị Bình Long Ứng thứ 5 (1209), “Vua sai (Thượng phẩm phụng ngự) Phạm Du đi Hồng Lộ huấn luyện quân lính định đánh người Thuận Lưu (Trần Tự Khánh). Gặp khi người Hồng Lộ (Đoàn Thượng) lại đón, đúng hẹn nhưng còn cùng Công chúa Thiên Cực tư thông, không biết là đã quá hẹn nên lỡ hẹn với người Hồng Lộ. Du bèn lên thuyền, theo đường sông mà đi, đến bến Cổ Châu, lên bộ đi đến xã A Cáo ở Ma Lãng bị người Bắc Giang là Nguyễn Nậu, Nguyễn Nãi bắt đưa về cho vương tử Sảm giết đi” (*Việt Sử lược*, 2005: 175).



Mấy đoạn dẫn trên có thể cho thấy, tên xã thời Lý vẫn còn tồn tại, song sự xuất hiện quá ít trong sử sách khiến hiểu biết của chúng ta về xã không nhiều. Về mặt hành chính xã hay (thôn) làng là đơn vị cơ sở? Chúng được tổ chức, vận hành như thế nào chưa rõ? Có thể chức Chánh và Tá lệnh trưởng ở xã vẫn được duy trì từ thời Khúc Hạo, hoặc cũng có thể đã thay đổi, mà hiện nay tư liệu chưa cho biết cụ thể? Nhưng qua trường hợp Phí Lang cai quản châu Đại Hoàng (Ninh Bình) “cùng hơn 170 Hào trưởng của nó ra hàng” triều đình, cho thấy cho đến cuối thời Lý chế độ Hào trưởng vẫn tồn tại phổ biến ở các làng xã. Hào trưởng là những người tài giỏi, có thể lực và uy tín ở làng xã. Họ trước hết là chỗ dựa tin cậy của người dân và cũng là chỗ dựa tin cậy của chính quyền cơ sở và chính quyền cấp trên. Ngay từ thời Bắc thuộc cho đến chính quyền tự chủ thời Khúc tam chúa về sau đều phải dựa vào Thổ hào - Hào trưởng để cai quản người dân làng xã. Rõ ràng vai trò lịch sử của Thổ hào - Hào trưởng trong đời sống làng xã là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, để đánh giá toàn diện và đầy đủ vai trò đó, cần nghiên cứu sâu hơn ở một công trình khác.

#### 4. Kết luận

Như vậy, từ những thông tin lịch sử trên cho biết danh xưng Thổ hào - Hào trưởng đã xuất hiện từ thời Lục triều ở Trung Quốc, đầu thế kỷ III đến cuối thế kỷ VI, tồn tại đến hết thời nhà Thanh đầu thế kỷ XX. Ở Việt Nam, danh xưng đó xuất hiện muộn hơn vào đầu thế kỷ VI, gắn liền với tên tuổi Lý Bí trong cuộc khởi nghĩa chống quân Lương, lập nước Vạn Xuân. Sau đó là Hào trưởng Phùng Hưng trong cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ của triều Đường vào khoảng đời Đại Lịch (766-791). Tiếp theo là các Hào trưởng họ Khúc (Khúc tam chúa: Khúc Thừa Dụ - Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ); Dương Đình Nghệ - Hào trưởng Ái Châu; Kiều (Công Tiện), Hào trưởng đất Phong Châu; Ngô [Quyền, là con cháu mục Đường Lâm, con rể của Dương Đình Nghệ]; họ đều là những thủ lĩnh giữ vai trò rất quan trọng trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc, chống Hán hóa, giành lại quyền độc lập, tự chủ cho dân tộc.

Kế tiếp là các sứ quân, Hào trưởng Trần Minh Công, Đỗ Cảnh Thạc, Phạm Phòng Át... Đinh Bộ Lĩnh kết thúc loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước. Cuối triều Lý đầu thế kỷ XIII, Phí Lang cai quản châu Đại Hoàng (thuộc Ninh Bình) cùng với hơn 170 Hào trưởng của mình đã ra hàng triều đình. Chúng tỏ, quyền hành ở các địa phương làng xã đều nằm trong tay các Thổ hào - Hào trưởng. Những Thổ hào - Hào trưởng bằng xương bằng thịt trên cho thấy đó là những thủ lĩnh ưu tú, thuộc tầng lớp trên của xã hội, có tài năng, thực lực và uy tín thực sự ở địa phương làng xã. Mỗi khi gặp những việc khó khăn, dân làng trước hết tìm đến các Hào trưởng nhờ giải quyết, giúp đỡ, sau đấy mới tìm đến chính quyền cơ sở. Đối với chính quyền đô hộ phương Bắc, hay chính quyền tự chủ thời Khúc tam chúa đến thời Lý sau này, cũng đều phải dựa vào các Thổ hào - Hào trưởng để cai quản các làng xã. Điều đó cho thấy vai trò đặc biệt và vị thế hết sức quan trọng của Thổ hào - Hào trưởng trong các làng xã cổ trung đại ở nước ta. Chính với vai trò và vị thế vốn có, Khúc tam chúa xuất thân từ một Hào tộc (Gia tộc giàu có quyền thế) ở Hồng Châu (làng Cúc Bò, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương), họ đều là Thổ hào - Hào trưởng (người có tài năng và quyền thế ở làng xã), bởi họ có cả cơ sở vật chất, tinh thần và uy tín xã hội để tập hợp quần chúng nhân dân thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử lớn lao của mình, giành chính quyền từ tay ngoại bang, bước đầu xây dựng chính quyền tự chủ, lần đầu tiên trong lịch sử thực hiện cuộc cải cách hành chính quy mô: đặt ra lộ, phủ, châu, xã, với chức Chánh và Tá Lệnh trưởng; chia thuế ruộng, trừ bỏ việc phu phen, lại làm sổ hộ, ghi họ tên quê quán do Giáp trưởng đốc suất. Chính sự rộng rãi giản dị, dân được yên ổn. Đặc biệt, chính quyền cơ sở được quản lý chặt chẽ hơn, làm chỗ dựa cho các triều đại kế tiếp. Công lao của Khúc tam chúa thật vĩ đại, được lịch sử ghi nhận và tôn vinh: căn bản đã kết thúc hơn một ngàn năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc; phục hưng dân tộc, khởi đầu xây nền độc lập, tự chủ, tạo cơ sở vững chắc cho việc phát triển hưng thịnh quốc gia Đại Việt sau này.

### Tài liệu tham khảo

- Âu Dương Tu. (1974). *Tân ngữ đại sử*. Bản Hán văn. Trung Hoa thư cục. Bắc Kinh.
- Âu Dương Tu, Tống Kỳ. (1975). *Tân Đường thư*. Q. 488. Liệt truyện thứ 247, ngoại quốc: Q.4, Giao Chi. Bản dịch. Trung Hoa thư cục. Bắc Kinh.
- Cao Hùng Trung. *An Nam chí nguyên*. (Bản dịch đánh máy). Tư liệu thư viện Viện Sử học, ký hiệu ĐVv 290.
- Đào Duy Anh. (1957). *Hán Việt từ điển*. Nxb. Trường Thi.
- Đào Duy Anh. (2005). *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Đỗ Danh Huân. (2009). Bàn thêm về quê hương họ Khúc trên đất Hồng Châu. *Nghiên cứu lịch sử*, số 10.
- Đỗ Văn Ninh. (Chủ biên - 2001). *Lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ X*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Hội đồng gia tộc họ Khúc Việt Nam, Khúc Thừa Đại. (Chủ biên - 2015). *Tư liệu lịch sử họ Khúc Việt Nam (Thời đại Hồng Châu)*. Nxb. Thế giới.
- Lê Quý Đôn. (2007). *Kiến Văn tiểu lục*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Lê Tắc. (2003). *An Nam chí lược*. Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
- Lý Tế Xuyên. (2008). *Việt điện u linh*. Hồ Nguyên Trừng. *Nam ông mộng lục*; Nguyễn Dữ. *Truyện kỳ mạn lục*. Nxb. Văn học.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê. (1972). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Ngô Thi Sĩ. (1997). *Đại Việt sử ký tiền biên*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Hữu Tâm. (2009). Thông tin thêm về Khúc Hoàn, một nhân vật lịch sử đời Đường thế kỷ VIII. *Thông báo Hán Nôm học năm 2008*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Phan Huy Chú. (1960). *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nxb. Sử học.
- Phan Huy Lê. (Chủ biên - 2012). *Lịch sử Việt Nam*. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1998). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Nxb. Giáo dục.
- Từ nguyên*. (1992). Tu đính bản, đệ nhất sách; Thương vụ ấn thư quán. (Nguyễn Hữu Tâm phiên âm và trích dịch). Bắc Kinh.
- Văn bia thời Lý*. (2009). Dịch chú và giới thiệu - Nguyễn Văn Thịnh (Chủ trì), Hoàng Văn Lâu, Phạm Văn Ảnh. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Viện Ngôn ngữ học. (2002). *Từ điển Hán Việt*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
- Việt sử lược*. (2001). Trần Quốc Vượng dịch. Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
- Việt sử lược*. (2005). Trần Quốc Vượng dịch. Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.